BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH
NĂM 2018

Vĩnh Long, năm 2018

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường ..... *Trang 01*

1.2. Quy mô đào tạo ..... *Trang 02*

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất ..... *Trang 02*

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất ..... *Trang 02*

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất ..... *Trang 03*

2. CÁC THÔNG TIN CỦA NĂM TUYỂN SINH 2018

2.1. Đối tượng tuyển sinh ..... *Trang 04*

2.2. Phạm vi tuyển sinh ..... *Trang 05*

2.3. Phương thức tuyển sinh ..... *Trang 05*

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh ..... *Trang 06*

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT ..... *Trang 06*

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

2.6.1. Thông tin chung về Trường ..... *Trang 08*

2.6.2. Tổ hợp xét tuyển năm 2018 ..... *Trang 09*

2.6.3. Quy định trong xét tuyển, quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển. ..... *Trang 10*

2.7. Tổ chức tuyển sinh ..... *Trang 11*

2.7.1. Tổ chức thi môn bổ sung năng khiếu năm 2018 ..... *Trang 11*

2.7.2. Tổ chức xét tuyển ..... *Trang 13*

2.7.3. Thời gian công bố điểm chuẩn và danh sách trúng tuyển ..... *Trang 13*

2.7.4. Xác nhận nhập học ..... *Trang 13*

2.7.5. Thời gian nhập học ..... *Trang 14*

2.8. Chính sách ưu tiên ..... *Trang 14*

2.8.1. Tổ chức tuyển thẳng ..... *Trang 14*

2.8.2. Ưu tiên xét tuyển ..... *Trang 15*

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển ..... *Trang 15*

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm ..... *Trang 15*

3. THỜI GIAN DỰ KIẾN TUYỂN SINH CÁC ĐỢT BỔ SUNG TRONG NĂM

3.1. Tuyển sinh bổ sung đợt 1 ..... *Trang 16*

3.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 2 ..... *Trang 16*

3.3. Tuyển sinh bổ sung đợt 3 ..... *Trang 16*

4. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHÍNH

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu ..... *Trang 16*

4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá ..... *Trang 16*

4.1.2 Thống kê các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng ..... *Trang 17*

4.1.3 Thống kê phòng học ..... *Trang 18*

4.1.4 Thống kê về thư viện và trung tâm học liệu ..... *Trang 18*

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu ..... *Trang 19*

5. TÌNH HÌNH VIỆC LÀM (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất) ... *Trang 26*

6. TÀI CHÍNH ..... *Trang 26*

6.1 Tổng nguồn thu, chi của trường ..... *Trang 26*

6.2 Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền kề trước năm tuyển sinh ..... *Trang 27*

Phụ lục

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày tháng 7 năm 2018

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2018

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

1.1.1. Tên trường

Tên tiếng Việt: Trường Đại học Xây dựng Miền Tây

Tên viết tắt: ĐHXDMT

Tên tiếng Anh: Mien Tay Construction University; Tên viết tắt: MTU

1.1.2. Sứ mạng

"Trường Đại học Xây dựng Miền Tây là cơ sở giáo dục công lập, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ đại học, sau đại học; Là cơ sở nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; Có vai trò quan trọng phục vụ phát triển kinh tế-xã hội cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và hội nhập quốc tế."

1.1.3. Giá trị cốt lõi

Chất lượng - năng động - phát triển - hội nhập

1.1.4. Địa chỉ trụ sở

Tên trường: Đại học Xây dựng Miền Tây

Địa chỉ: 20B Phó Cơ Điều, Phường 3, Tp.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

1.1.5. Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- Tên trường: Đại học Xây dựng Miền Tây
- Địa chỉ: 20B Phó Cơ Điều, Phường 3, Tp.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Mã trường: **MTU**
- Điện thoại: (0270) 3825903, 3839768; Fax: (0270) 3827457
- Website: www.mtu.edu.vn
- Website: online.mtu.edu.vn
- Website: thuvien.mtu.edu.vn

1.2. Quy mô đào tạo

Khối ngành/ Nhóm ngành*	Quy mô hiện tại							
			ĐH		CĐSP		TCSP	
	NCS	Học viên CH	GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX
Khối ngành I								
Khối ngành II								
Khối ngành III			35					
Khối ngành IV								
Khối ngành V			2.225	432				
Khối ngành VI								
Khối ngành VII								
Tổng			**2.260**	**432**				

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Trong kỳ tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2016 và năm 2017, Trường Đại học Xây dựng Miền tây xét tuyển dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia kết hợp với thi bổ sung các môn năng khiếu do Trường tổ chức.

Trình độ	TT	Ngành	Mã ngành	Môn thi trong kỳ thi THPT Quốc Gia	Môn bổ sung do trường tổ chức
Đại học	1	Kiến trúc	52580102	Toán-Vật lí Toán- Ngữ văn	Vẽ Mỹ thuật
	2	Quy hoạch Vùng và Đô thị	52580105		
	3	Quản lý Xây dựng – Đô thị *(Chuyên ngành Quản lý đô thị)*	52580302	Toán -Vật lí Toán - Ngữ văn	Vẽ Mỹ thuật
				Toán -Vật lí-Hóa học Toán - Vật lí-Tiếng Anh	-
	4	Kỹ thuật Công trình Xây dựng *(Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp)*	52580201	Toán -Vật lí - Hóa học Toán - Vật lí-Tiếng Anh	-
	5	Kỹ thuật Xây dựng công trình Giao thông *(Chuyên ngành Xây dựng Cầu - Đường)*	52580205	Toán- Hóa học-Sinh học Văn-Toán-Tiếng Anh	-

Trình độ	TT	Ngành	Mã ngành	Môn thi trong kỳ thi THPT Quốc Gia	Môn bổ sung do trường tổ chức
	6	Kỹ thuật Cấp thoát nước	52110104	Toán -Vật lí - Hóa học Toán - Vật lí-Tiếng Anh	-
	7	Kỹ thuật Môi trường *(tuyển sinh năm 2017)*	52520320	Toán- Hóa học-Sinh học Văn-Toán-Tiếng Anh	-
	8	Kế toán *(tuyển sinh năm 2017)*	52340301	Toán - Vật lí - Hóa học Toán-Vật lí - Tiếng Anh Ngữ văn-Địa lí-T.Anh Ngữ văn-Lịch sử-Địa lí	-

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT
Nhóm ngành V						
I. Trình độ Đại học						
- Kiến trúc *Tổ hợp 1: Toán, Vật lí, Vẽ MT* *Tổ hợp 2: Toán, Ngữ văn, Vẽ MT*	60	33	15	60	36	15.5
- Quy hoạch Vùng và Đô thị *Tổ hợp 1:Toán, Vật lí, Vẽ MT* *Tổ hợp 2: Toán, Ngữ văn, Vẽ MT*	30	0	15	25	0	15.5
- Quản lý Xây dựng – Đô thị *Tổ hợp 1: Toán, Vật lí, Vẽ MT* *Tổ hợp 2: Toán, Ngữ văn, Vẽ MT* *Tổ hợp 3: Toán -Vật lí - Hóa học* *Tổ hợp 4: Toán - Vật lí - Tiếng Anh*	50	23	15	50	10	15.5
- Kỹ thuật Công trình Xây dựng *Tổ hợp 1: Toán -Vật lí - Hóa học* *Tổ hợp 2: Toán - Vật lí - Tiếng Anh* *Tổ hợp 3: Toán - Hóa học - Sinh học* *Tổ hợp 4: Ngữ văn -Toán - Tiếng Anh*	355	153	15	350	189	15.5

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT
Nhóm ngành V						
- Kỹ thuật xây dựng Công trình Giao thông *Tổ hợp 1: Toán -Vật lí - Hóa học* *Tổ hợp 2: Toán - Vật lí - Tiếng Anh* *Tổ hợp 3: Toán - Hóa học - Sinh học* *Tổ hợp 4: Ngữ văn -Toán - Tiếng Anh*	30	15	15	25	10	15.5
- Kỹ thuật Cấp thoát nước *Tổ hợp 1: Toán -Vật lí - Hóa học* *Tổ hợp 2: Toán - Vật lí - Tiếng Anh* *Tổ hợp 3: Toán - Hóa học - Sinh học* *Tổ hợp 4: Ngữ văn -Toán - Tiếng Anh*	30	11	15	25	3	15.5
- Kỹ thuật Môi trường *Tổ hợp 1: Toán -Vật lí - Hóa học* *Tổ hợp 2: Toán - Vật lí - Tiếng Anh* *Tổ hợp 3: Toán - Hóa học - Sinh học* *Tổ hợp 4: Ngữ văn -Toán - Tiếng Anh*	-	-	-	25	2	15.5
- Kế toán *Tổ hợp 1: Toán -Vật lí - Hóa học* *Tổ hợp 2: Toán - Vật lí - Tiếng Anh* *Tổ hợp 3: Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh* *Tổ hợp 4: Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí*	-	-	-	40	35	15.5
Tổng trình độ Đại học	**555**	**235**	**X**	**600**	**285**	**X**

2. CÁC THÔNG TIN CỦA NĂM TUYỂN SINH 2018

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy định tại Điều 6 Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh Cao đẳng, TS Trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quy chế).

Đối với hệ Đại học chính quy tập trung: Học sinh tốt nghiệp THPT trên phạm vi cả nước. *(Thí sinh thi bổ sung môn năng khiếu đối với ngành có xét môn Vẽ mỹ thuật).*

Đối với hệ Đại học chính quy, loại hình liên thông: Sinh viên tốt nghiệp các trường cao đẳng.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh

Trường ĐHXD Miền Tây tuyển sinh bằng các phương thức:

- ***Phương thức 1:*** Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia năm 2018.

- ***Phương thức 2:*** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (học bạ)

- ***Phương thức 3:*** Thi tuyển kết hợp với xét tuyển, hình thức này áp dụng cho ngành có tổ hợp xét tuyển môn Vẽ Mỹ thuật

Ngành và tổ hợp môn xét tuyển của các phương thức như sau:

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	Kiến trúc	7580101	Toán - Vật lí - Vẽ Mỹ thuật Toán - Ngữ văn - Vẽ Mỹ thuật Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật Toán – Hóa học - Vẽ Mỹ thuật
2	Quy hoạch Vùng và Đô thị	7580105	
3	Quản lý Xây dựng *(Chuyên ngành Quản lý Đô thị)*	7580302	Toán - Vật lí - Vẽ Mỹ thuật Toán - Ngữ văn - Vẽ Mỹ thuật Toán -Vật lí - Hóa học Toán - Vật lí - Tiếng Anh
4	Kỹ thuật Xây dựng *(Chuyên ngành Xây dựng DD&CN)*	7580201	Toán -Vật lí - Hóa học Toán - Vật lí - Tiếng Anh Toán - Hóa học - Sinh học Ngữ văn -Toán - Tiếng Anh
5	Kỹ thuật xây dựng Công trình Giao thông *(Chuyên ngành Xây dựng Cầu-Đường)*	7580205	
6	Kỹ thuật Cấp thoát nước	7580213	
7	Kỹ thuật Môi trường	7520320	
8	Kế toán	7340301	Toán - Vật lí - Hóa học Toán - Vật lí - Tiếng Anh Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí

Ngoài các môn thi văn hóa, thí sinh phải thi môn năng khiếu (Vẽ Mỹ thuật) do Trường ĐHXD Miền Tây tổ chức theo quy định hoặc sử dụng kết quả thi môn năng khiếu của Hội đồng tuyển sinh các trường khác cấp để xét tuyển.

Điều kiện xét tuyển Điểm môn thi Vẽ Mỹ thuật phải ≥ 5,0 điểm.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Trình độ	TT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu
Đại học	1	Kiến trúc	7580101	80
	2	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	30
	3	Quản lý Xây dựng *(Chuyên ngành Quản lý Đô thị)*	7580302	50
	4	Kỹ thuật xây dựng *(Chuyên ngành Xây dựng DD&CN)*	7580201	350
	5	Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông *(Chuyên ngành Xây dựng Cầu-Đường)*	7580205	50
	6	Kỹ thuật Cấp thoát nước	7580213	50
	7	Kỹ thuật Môi trường	7520320	50
	8	Kế toán	7340301	90
	Tổng			**750**

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT

2.5.1. Phương thức 1: Xét tuyển từ kết quả thi THPT quốc gia

a. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nhận hồ sơ

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với trình độ đại học bằng ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu là ≥ 14,0 điểm.

- Điều kiện nhận hồ sơ:

+ Đã tốt nghiệp THPT;

+Tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu là ≥ 14,0 điểm;

+ Điểm của từng môn trong tổ hợp xét tuyển phải > 1,0 điểm.

b. Nguyên tắc xét tuyển

- Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm UT

- Xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm cao nhất xuống các thí sinh có tổng điểm thấp hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu đã xác định;

- Trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì ưu tiên xét thí sinh có điểm môn Toán cao nhất, sau đó lần lượt ưu tiên đến các môn tiếp theo theo thứ tự sắp xếp của từng tổ hợp.

2.5.2. Phương thức 2: Xét tuyển từ kết quả học tập THPT (học bạ)

a. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nhận hồ sơ

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nhận hồ sơ:

+ Đã tốt nghiệp THPT và hạnh kiểm ở cả 3 năm THPT từ khá trở lên;

+ Điểm trung bình chung (TBC) 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển của 3 năm THPT hoặc điểm tổng kết (ĐTK) 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển năm lớp 12. Mỗi môn phải ≥ 6,0 điểm.

b. Nguyên tắc xét tuyển

- Điểm xét tuyển = TBC môn 1 + TBC môn 2 + TBC môn 3 + Điểm UT

Hoặc: Điểm xét tuyển = ĐTK môn 1 + ĐTK môn 2 + ĐTK môn 3 + Điểm UT

- Xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm cao nhất xuống các thí sinh có tổng điểm thấp hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu đã xác định;

- Trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì ưu tiên xét thí sinh có điểm môn Toán cao nhất, sau đó lần lượt ưu tiên đến các môn tiếp theo theo thứ tự sắp xếp của từng tổ hợp.

2.5.3. Phương thức 3: Thi tuyển kết hợp với xét tuyển, hình thức này áp dụng cho ngành Kiến trúc, Quy hoạch vùng và đô thị, Quản lý xây dựng-đô thị

a. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nhận hồ sơ khi xét từ kết quả thi THPT quốc gia

- Đã tốt nghiệp THPT;

- Tổng điểm 3 môn *(2 môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm của môn Vẽ mỹ thuật)* phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu (điểm sàn) là ≥ 14,0 điểm;

- Điểm của từng môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển phải > 1,0 điểm.

- Điểm môn Vẽ mỹ thuật ≥ 5,0 điểm.

b. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nhận hồ sơ khi xét từ kết quả học tập THPT (học bạ)

- Đã tốt nghiệp THPT và hạnh kiểm ở cả 3 năm THPT từ khá trở lên;

- Điểm của từng môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển ≥ 6,0 điểm.

- Điểm môn Vẽ mỹ thuật ≥ 5,0 điểm.

(Điểm 2 môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển 3 năm THPT hoặc điểm tổng kết 2 môn văn hóa thuộc tổ hợp xét tuyển năm lớp 12).

- Trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì ưu tiên xét thí sinh có điểm môn Vẽ Mỹ thuật cao nhất, sau đó lần lượt ưu tiên đến các môn tiếp theo theo thứ tự sắp xếp của từng tổ hợp.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

Mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

2.6.1. Thông tin chung về Trường

- Tên trường: **Đại học Xây dựng Miền Tây**
- Địa chỉ: 20B Phó Cơ Điều, Phường 3, Tp.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Mã trường: **MTU**
- Điện thoại: (0270) 3825903 ; 3839768 ; Fax: (0270) 3827457.
- Website: www.mtu.edu.vn ; www.online.mtu.edu.vn

www.thuvien.mtu.edu.vn

Tổ hợp các môn để xét tuyển:

TT	Ngành	Mã ngành	Môn xét tuyển	Môn thi bổ sung
1	Kiến trúc	7580101	Toán - Vật lí Toán - Ngữ văn Toán - Tiếng Anh Toán – Hóa học	Vẽ Mỹ thuật
2	Quy hoạch Vùng và Đô thị	7580105	Toán -Vật lí Toán - Ngữ văn Toán - Tiếng Anh Toán – Hóa học	Vẽ Mỹ thuật
3	Quản lý Xây dựng *(Chuyên ngành Quản lý Đô thị)*	7580302	Toán -Vật lí Toán - Ngữ văn	Vẽ Mỹ thuật
			Toán -Vật lí - Hóa học Toán - Vật lí - Tiếng Anh	Không thi môn bổ sung
4	Kỹ thuật Xây dựng (*Chuyên ngành DD&CN)*	7580201	Toán -Vật lí - Hóa học Toán - Vật lí - Tiếng Anh Toán - Hóa học - Sinh học Ngữ văn -Toán - Tiếng Anh	Không thi môn bổ sung

TT	Ngành	Mã ngành	Môn xét tuyển	Môn thi bổ sung
5	Kỹ thuật xây dựng Công trình Giao thông (*Chuyên ngành Xây dựng Cầu-Đường)*	7580205	Toán -Vật lí - Hóa học Toán - Vật lí - Tiếng Anh Toán - Hóa học - Sinh học Ngữ văn -Toán - Tiếng Anh	Không thi môn bổ sung
6	Kỹ thuật Cấp thoát nước	7580213		
7	Kỹ thuật Môi trường	7520320		
8	Kế toán	7340301	Toán - Vật lí - Hóa học Toán - Vật lí - Tiếng Anh Ngữ văn - Địa lí -Tiếng Anh Ngữ văn- Lịch sử- Địa lí	Không thi môn bổ sung

2.6.2. Tổ hợp xét tuyển năm 2018

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây xét tuyển theo các tổ hợp gồm các môn thi trong kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018, xét tuyển từ học bạ THPT, kết hợp với các môn thi năng khiếu do Đại học Xây dựng Miền Tây tổ chức hoặc sử dụng kết quả thi môn năng khiếu của Hội đồng tuyển sinh các trường khác cấp để xét tuyển.

Trường ĐHXD Miền Tây xét tuyển ứng với 08 ngành đào tạo Đại học.

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp
1	Kiến trúc	7580102	Toán - Vật lí - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Ngữ văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
			Toán - Hóa học - Vẽ Mỹ thuật	V03
2	Quy hoạch Vùng và Đô thị	7580105	Toán - Vật lí - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Ngữ văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
			Toán - Hóa học - Vẽ Mỹ thuật	V03
3	Quản lý Xây dựng *(Chuyên ngành Quản lý Đô thị)*	7580302	Toán - Vật lí - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Ngữ văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01

TT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp
4	Kỹ thuật Xây dựng *(Chuyên ngành Xây dựng DD&CN)*	7580201	Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh	D01
5	Kỹ thuật xây dựng Công trình Giao thông *(Chuyên ngành Xây dựng Cầu-Đường)*	7580205	Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh	D01
6	Kỹ thuật Cấp thoát nước	7580213	Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh	D01
7	Kỹ thuật Môi trường	7520320	Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Toán - Hóa học - Sinh học	B00
			Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh	D01
8	Kế toán	7340301	Toán - Vật lí - Hóa học	A00
			Toán - Vật lí - Tiếng Anh	A01
			Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh	D15
			Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí	C00

2.6.3. Quy định trong xét tuyển, quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Chỉ những thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định và đủ điều kiện tham gia tuyển sinh được quy định trong Quy chế tuyển sinh đại học mới được xét tuyển;

- Điểm các môn thi đều không nhân hệ số;

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và được làm tròn đến hai chữ số thập phân; cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực;

- Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp. Mỗi nguyện vọng

thí sinh chỉ có thể chọn 1 tổ hợp điểm xét tuyển;

- Điểm trúng tuyển vào mỗi ngành sẽ được xét theo nguyên tắc lấy từ thí sinh có tổng điểm 3 môn lớn nhất trở xuống không phân biệt nguyện vọng, tổ hợp xét tuyển cho đến hết chỉ tiêu của mỗi ngành (đã cộng điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh);

Nếu thí sinh đã trúng tuyển 1 nguyện vọng, sẽ không được xét tuyển nguyện vọng tiếp theo;

- Điểm của thí sinh có giá trị như nhau khi xét tuyển các nguyện vọng. Không hạn chế số nguyện vọng xét tuyển vào trường Đại học Xây dựng Miền Tây. Thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành nào thì sử dụng tổ hợp môn xét tuyển tương ứng của ngành đó;

- Đối với các ngành năng khiếu: xét tuyển thí sinh có điểm môn năng khiếu do trường Đại học Xây dựng Miền Tây tổ chức thi. Nếu còn chỉ tiêu sẽ xét kết quả thi môn năng khiếu (Vẽ Mỹ thuật) do các cơ sở giáo dục khác trên toàn quốc tổ chức;

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách:

+ Nếu số thí sinh xét tuyển vào các ngành năng khiếu có tổng điểm 3 môn ngang nhau (đã cộng điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh), bằng điểm chuẩn thì trong trường hợp vượt chỉ tiêu, sẽ xét trúng tuyển người có điểm môn năng khiếu cao hơn;

+ Nếu số thí sinh xét tuyển vào các ngành không sử dụng kết quả thi môn năng khiếu có tổng điểm 3 môn ngang nhau (đã cộng điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh), bằng điểm chuẩn thì trong trường hợp vượt chỉ tiêu, sẽ xét trúng tuyển người có điểm môn Toán cao hơn;

+ Nếu sau khi xét các điều kiện phụ đã nêu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn;

Lưu ý: Thí sinh cần lựa chọn thứ tự các nguyện vọng xét tuyển, phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất);

- Đối với mỗi thí sinh, xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng. Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký. Trong đợt 1, đối với các trường, ngành thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác bổ sung.

2.7. Tổ chức tuyển sinh

2.7.1. Tổ chức thi môn bổ sung năng khiếu năm 2018

Trong kỳ tuyển sinh ĐH, hệ chính quy năm 2018, đối với các ngành năng khiếu, trường Đại học Xây dựng Miền Tây xét tuyển tổ hợp điểm 3 môn gồm điểm 2 môn của kỳ thi THPT Quốc gia hoặc điểm học bạ THPT (điểm từ 6,0 trở lên) kết hợp với kết quả thi môn năng khiếu của kỳ thi bổ sung môn năng khiếu do Trường tổ chức.

a. Môn năng khiếu dùng để xét tuyển

TT	Tên ngành	Mã ngành tuyển sinh	Môn năng khiếu dùng để xét tuyển
1	Kiến trúc	7580102	Vẽ Mỹ thuật
2	Quy hoạch Vùng và Đô thị	7580105	
3	Quản lý Xây dựng *(Chuyên ngành Quản lý Đô thị)*	7580302	

b. Đăng ký dự thi môn năng khiếu

- Đợt 1, nhận hồ sơ từ ngày có thông báo đến ngày **12/6/2018**, thi tuyển ngày **05, 06/7/2018**;

- Các đợt tiếp theo thi tuyển vào các ngày **05, 06 hàng tháng**, tổ chức thi tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu;

- Môn Vẽ mỹ thuật lấy từ kết quả thi tuyển tại Trường ĐHXD Miền Tây hoặc từ điểm thi, sơ tuyển ở các trường đại học khác;

- Địa điểm thi tuyển: tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây

- Môn Vẽ mỹ thuật: Vẽ đầu tượng.

c. Cách thức nộp hồ sơ

Cách thức nộp hồ sơ	Theo 1 trong 2 cách: *Nộp trực tiếp tại phòng Tư vấn tuyển sinh Trường Đại học Xây dựng Miền Tây, địa chỉ số 20B Phó Cơ Điều, Phường 3, Tp.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. *Qua Bưu điện chuyển phát nhanh (theo địa chỉ trên)
Hồ sơ đăng ký	1. Phiếu đăng ký: theo **Mẫu** của trường, tải tại website: www.mtu.edu.vn 2. Hai tấm hình 4x6 *(ghi rõ họ tên, ngày sinh sau mỗi tấm hình)* 3. Phong bì dán tem, ghi chính xác địa chỉ người nhận *(đối với thí sinh không đăng ký nhận Giấy báo dự thi trực tiếp tại trường)*

2.7.2. Tổ chức xét tuyển

***Đối với thí sinh xét tuyển từ kết quả thi THPT quốc gia để xét tuyển.** Thí sinh có thể chọn 1 trong 2 cách sau:

- Đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT qua mạng tại Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố;

- Đăng ký tại trường Đại học Xây dựng Miền Tây: thí sinh trực tiếp đăng ký trên máy tính với sự hướng dẫn, tư vấn của cán bộ tư vấn tuyển sinh.

***Đối với thí sinh xét tuyển từ kết quả học THPT (học bạ)**

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển từ 26/03/2018

- Đăng ký hồ sơ trực tiếp tại trường (theo mẫu trên Website của trường)

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện bằng hình thức chuyển phát nhanh. Hồ sơ gồm:

1) Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường; *(Tải từ Website của trường)*

2) Bản sao học bạ THPT*(có chứng thực)*;

3) Bản sao Bằng tốt nghiệp THPT *(có chứng thực)* hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời *(Có thể nộp bổ sung sau khi trúng tuyển)*;

4) Bản sao giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên *(nếu có, có chứng thực)*;

5) 02 phong bì dán tem có ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của học sinh;

6) 02 ảnh màu 4x6 *(Trong thời hạn 6 tháng, ghi họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh ở mặt sau ảnh)*;

2.7.3. Thời gian công bố điểm chuẩn và danh sách trúng tuyển

Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.7.4. Xác nhận nhập học

Thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển vào các ngành đào tạo của trường Đại học Xây dựng Miền Tây cần xác nhận nhập học bằng cách thực hiện:

- **Nộp (bản chính) Phiếu điểm** THPT Quốc gia. Đối với thí sinh trúng tuyển các ngành năng khiếu cần nộp Phiếu điểm THPT Quốc gia (bản chính) và Phiếu điểm môn năng khiếu (bản chính);

- **Hình thức nộp các Phiếu điểm:**

+ Nộp trực tiếp tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây, địa chỉ 20B Phó Cơ Điều, Phường 3, Tp.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (thời gian theo quy định);

+ Chuyển phát nhanh qua bưu điện đến trường Đại học Xây dựng Miền Tây; địa chỉ 20B Phó Cơ Điều, Phường 3, Tp.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (thời gian theo quy định)

Ghi chú:

- Thí sinh không xác nhận nhập học hoặc không thực hiện đúng các quy định trên sẽ bị xóa tên khỏi danh sách trúng tuyển của Trường Đại Xây dựng Miền Tây.

- Khi nộp phiếu điểm (bản chính) xác nhận nhập học thí sinh phải nộp kèm 01 bì thư ghi rõ địa chỉ người nhận để Trường gửi giấy báo trúng tuyển nhập học (thí sinh không nộp bì thư sẽ mặc định là nhận giấy báo trúng tuyển tại trường Đại học Xây dựng Miền Tây).

2.7.5. Thời gian nhập học: Dự kiến bắt đầu từ ngày **27/08/2018**.

2.8. Chính sách ưu tiên

Các thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực, tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế hiện hành. Hội đồng tuyển sinh xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào đại học năm 2018 với tiêu chí cụ thể như sau:

2.8.1. Tổ chức tuyển thẳng

**Các đối tượng là Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học:*

- Được xét tuyển thẳng vào một trong các ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng, Kỹ thuật Giao thông, Kỹ thuật Cấp thoát nước, Kỹ thuật Môi trường, Kế toán;

- Được xét tuyển thẳng vào một trong các ngành Kiến trúc, Quy hoạch Vùng và Đô thị nếu có điểm thi môn Vẽ Mỹ thuật trong kỳ thi bổ sung môn năng khiếu do trường tổ chức đạt từ 5,0 trở lên;

- Đối với người đã trúng tuyển vào các ngành của trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ;

- Được xem xét nhận vào học chính thức đối với ngành trước đây đã trúng tuyển nếu việc học tập bị gián đoạn dưới 3 năm;

- Được xem xét giới thiệu ôn tập 1 năm học tại trường dự bị trước khi vào học chính thức đối với ngành trước đây đã trúng tuyển nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên;

- Các thí sinh này đều phải có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về sức khoẻ, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ và được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu.

*******Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học. Nếu có nguyện vọng học các ngành năng khiếu, thí*

sinh phải thi bổ sung môn năng khiếu theo quy định và phải đạt từ 5,0 trở lên;

****** Đối với thí sinh là người nước ngoài: Hiệu trưởng xem xét, quyết định xét tuyển thẳng căn cứ kết quả học tập trung học của thí sinh, kết quả kiểm tra tiếng Việt, kết quả kiểm tra môn năng khiếu (nếu thí sinh muốn học các ngành năng khiếu);*

2.8.2. Ưu tiên xét tuyển

**Thí sinh được ưu tiên xét tuyển vào các ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng, Kỹ thuật Giao thông, Kỹ thuật Cấp thoát nước, Kỹ thuật Môi trường, Kế toán nếu:*

- Tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học;

- Đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học;

- Là thành viên trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc tế có nội dung gần với một trong các ngành Kỹ thuật;

- Đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia có nội dung gần với một trong các ngành Kỹ thuật;

Các thí sinh này phải hoàn thành kỳ thi THPT Quốc gia và đạt ngưỡng chất lượng đầu vào năm 2018 theo quy định.

**Thí sinh được ưu tiên xét tuyển vào các ngành Kiến trúc, Quy hoạch Vùng và Đô thị, Quản lý Đô thị nếu:*

- Tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế một trong các môn Toán, Vật lý;

- Đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia một trong các môn Toán, Vật lý, Ngữ văn;

- Đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia có nội dung gần với một trong các ngành Kiến trúc, Quy hoạch Vùng và Đô thị, Quản lý Đô thị;

- Là thành viên trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc tế có nội dung gần với một trong các ngành Kiến trúc, Quy hoạch Vùng và Đô thị, Quản lý Đô thị;

Các thí sinh này phải hoàn thành kỳ thi THPT Quốc gia, đạt ngưỡng chất lượng đầu vào năm 2018 theo quy định và có điểm thi môn Vẽ Mỹ thuật trong kỳ thi bổ sung môn năng khiếu do trường tổ chức hoặc thi ở các trường khác đạt từ 5,0 trở lên.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Miễn phí lệ phí xét tuyển và thi tuyển

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Học phí và lộ trình tăng học phí: theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

- Học phí năm học 2018-2019 theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

+ Học phí ĐH: 8.700.000 đ/năm *(Học kỳ: 4.350.000 đ/học kỳ; 290.000đ/Tín chỉ).*

+ Cấp học bổng 5.500.000đ để đào tạo tiếng anh đạt trình độ B1 (khung CEFR) và công nghệ thông tin cơ bản.

- Ngoài học phí trên sinh viên cần nộp thêm Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm thân thể, ... theo Quy định chung của Nhà nước.

3. THỜI GIAN DỰ KIẾN TUYỂN SINH CÁC ĐỢT BỔ SUNG TRONG NĂM

3.1. Tuyển sinh bổ sung đợt 1:

Nhận hồ sơ xét tuyển: Từ ngày 16/08/2018 đến ngày 26/8/2018

Công bố kết quả trúng tuyển: ngày 06/09/2018

3.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 2:

Nhận hồ sơ xét tuyển: Từ ngày 07/09/2018 đến ngày 17/09/2018

Công bố kết quả trúng tuyển: ngày 27/09/2018

3.3. Tuyển sinh bổ sung đợt 3:

Nhận hồ sơ xét tuyển: Từ ngày 28/09/2018 đến ngày 08/10/2018

Công bố kết quả trúng tuyển: ngày 18/10/2018

4. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHÍNH

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

Hạng mục	Đơn vị tính	Tổng số
I - Đất đai nhà trường quản lý sử dụng		
Diện tích đất đai (Tổng số)	m2	103932
II- Diện tích sàn xây dựng (Tổnng số)	m2	31141
Trong đó:		
1- Hội trường/giảng đường/phòng học: Diện tích	m2	21109
Số phòng học	Phòng	80

Trong đó:		
1.1 - Phòng máy tính	m2	960
Số phòng	Phòng	6
1.2 - Phòng học ngoại ngữ	m2	270
Số phòng	Phòng	4
1.3 - Phòng nhạc, hoạ	m2	800
Số phòng	Phòng	2
2. Thư viện/Trung tâm học liệu: Diện tích	m2	900
Số phòng	Phòng	2
3-Phòng thí nghiệm: Diện tích	m2	680
Số phòng	Phòng	2
4- Xưởng thực tập, thực hành: Diện tích	m2	972
Số phòng	Phòng	2
5- Nhà tập đa năng: Diện tích	m2	1480
Số phòng	Phòng	2
6- Nhà ở học sinh (ký túc xá): Diện tích	m2	4120
Số phòng	Phòng	116
7-Diện tích khác		
- Bể bơi : Diện tích	m2	
-Sân vận động: Diện tích	m2	1880

4.1.2. Thống kê các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng

TT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	Phòng máy tính	6	- Thực hành tin học cơ bản, tin học chuyên ngành - Đào tạo chứng chỉ Tin học	960
2	Phòng học ngoại ngữ đa năng	4	- Giảng dạy Ngoại ngữ	270

3	Phòng nhạc, họa	2	- Giảng dạy và thực hành các môn vẽ	800
4	Phòng thí nghiệm	2	- Giảng dạy và thực hành các môn thí nghiệm địa chất, vật liệu xây dựng - Giảng dạy và thực hành các môn thí nghiệm ngành nước	680
5	Xưởng thực hành	2	- Giảng dạy và thực hành các môn thi công	972
6	Nhà tập đa năng	2	- Giảng dạy các môn giáo dục thể chất	1.480
	Tổng cộng			5.162

4.1.3. Thống kê phòng học

TT	**Loại phòng**	**Tổng số**
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	3
3	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	48
4	Phòng học dưới 50 chỗ	28
5	Số phòng học đa phương tiện	-
Tổng cộng		**80**

4.1.4. Thống kê về thư viện và trung tâm học liệu

Nhóm ngành đào tạo	**Số lượng sách** (bản)	**Tạp chí**	**Thư viện điện tử**
Nhóm ngành III **Nhóm ngành V**	**25.876**	Ngoại văn: 02 bộ/quý (Kiến trúc). Tiếng Việt: 20 bộ/quý (120 quyển/quý).	www.thuvien.mtu.edu.vn

4.2 Danh sách giảng viên cơ hữu

STT	Khối ngành/Nhóm ngành		GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH	CĐ
Khối ngành III								
Ngành Kế toán								
1	Nguyễn Quang	Hưng			X			
2	Trịnh Thị Thanh	Hương			X			
3	Giang Thị Minh	Diệu				X		
4	Trương Công	Hào				X		
5	Võ Thị Vân	Na				X		
6	Nguyễn Thị Ngọc	Thu				X		
Tổng của khối ngành III			**0**	**0**	**2**	**4**	**0**	**0**
Khối ngành V								
Ngành Kỹ thuật xây dựng								
7	Trương Công	Bằng			X			
8	Trương Văn	Bằng			X			
9	Nguyễn Văn	Chiếu			X			
10	Lê Hiến	Chương			X			
11	Đỗ Thị Mỹ	Dung			X			
12	Lê Bảo	Quốc			X			
13	Phạm Hồng	Thái			X			
14	Vũ Duy	Thắng			X			
15	Nguyễn Văn	Xuân			X			
16	Phạm Quốc	Anh				X		
17	Lâm Văn	Ánh				X		
18	Lê Hoài	Bão				X		
19	Nguyễn Hoà	Bình				X		
20	Ngô Trung	Chánh				X		
21	Huỳnh Hữu	Châu				X		

STT	Khối ngành/Nhóm ngành		GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH	CĐ
22	Lê Đình	Châu				X		
23	Bùi Ngọc	Dũng				X		
24	Đoàn Văn	Đẹt				X		
25	Nguyễn Quý	Đông				X		
26	Nguyễn Minh	Giang				X		
27	Nguyễn Ngọc Long	Giang				X		
28	Bùi Chí	Hải				X		
29	Phạm Hồng	Hạnh				X		
30	Trần Thị Mỹ	Hạnh				X		
31	Lê Thị Thu	Hằng				X		
32	Mai Thị	Hoa				X		
33	Trần Thị Ngọc	Hoa				X		
34	Thạch Sôm Sô	Hoách				X		
35	Nguyễn Văn	Hoàn				X		
36	Đặng Văn	Hợi				X		
37	Huỳnh Quốc	Huy				X		
38	Trần Quang	Huy				X		
39	Võ Bá	Huy				X		
40	Lâm Thanh Quang	Khải				X		
41	Trương Quốc	Khang				X		
42	Trần Thị Thùy	Linh				X		
43	Lê Trọng	Long				X		
44	Đặng Hữu	Lợi				X		
45	Nguyễn Công	Luận				X		
46	Trịnh Công	Luận				X		
47	Huỳnh Phước	Minh				X		

STT	Khối ngành/Nhóm ngành		GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH	CĐ
48	Nguyễn Tấn	Nô				X		
49	Nguyễn Doãn	Nội				X		
50	Đỗ Trọng	Nghĩa				X		
51	Lê Tiến	Nghĩa				X		
52	Nguyễn Hữu	Nghĩa				X		
53	Nguyễn Kinh	Ngoan				X		
54	Phan Ngọc	Nhã				X		
55	Trương Mỹ	Phẩm				X		
56	Trương Hoàng	Phiếu				X		
57	Huỳnh Hàn	Phong				X		
58	Tô Mai	Phong				X		
59	Đào Thị Lan	Phương				X		
60	Nguyễn Thị	Phượng				X		
61	Phạm Duy	Quân				X		
62	Trần Hồng	Quân				X		
63	Lâm Ngọc	Quí				X		
64	Nguyễn Văn	Sau				X		
65	Dương Thị Kim	Soa				X		
66	Lý Thị Ngọc	Sương				X		
67	Đặng Văn	Tiến				X		
68	Lê Quốc	Tiến				X		
69	Cao Văn	Tuấn				X		
70	Nguyễn Ngọc	Thanh				X		
71	Trần Lan Phương	Thảo				X		
72	Hồ Nguyễn Tân	Thuấn				X		
73	Lương Phước	Thuận				X		
74	Phan Thị Thu	Trang				X		

STT	Khối ngành/Nhóm ngành		GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH	CĐ
75	Lê Minh Diệu	Trân				X		
76	Võ Thị Tố	Trinh				X		
77	Nguyễn Thanh	Trúc				X		
78	Nguyễn Văn	Trung				X		
79	Lê Tấn	Truyền				X		
80	Lê Hoàng	Việt				X		
81	Phạm Quang	Vĩnh				X		
82	Lương Thị Bảo	Yến				X		
83	Lương Văn	Anh					X	
84	Giang Minh	Nhựt					X	
85	Nguyễn Văn	Tri					X	
Ngành Kiến trúc								
86	Ngô Doãn	Đức			X			
87	Nguyễn Thị Tâm	Đan				X		
88	Đỗ Duy	Khang				X		
89	Huỳnh Thị Kim	Loan				X		
90	Ngô Hồng	Năng				X		
91	Lưu Khánh	Quang				X		
92	Trương Văn Minh	Riêng				X		
93	Hà Xuân Thanh	Tâm				X		
94	Hoàng Hoa Thủy	Tiên				X		
95	Lê Tùng Diễm	Thi				X		
96	Võ Thị Lệ	Thi				X		
97	Đỗ Duy	Thịnh				X		
98	Trần Thị Thùy	Trang				X		
99	Nguyễn Thanh Xuân	Yến				X		

STT	Khối ngành/Nhóm ngành		GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH	CĐ
100	Nguyễn Vũ	Linh					X	
101	Nguyễn Văn	Thu					X	
Ngành Cấp thoát nước								
102	Nguyễn	Thống		X				
103	Nguyễn Văn	Chu				X		
104	Đào Duy	Khơi				X		
105	Trần Quang	Nhật				X		
106	Lê Minh	Tân				X		
107	Giang Văn	Tuyền				X		
108	Nguyễn Thị Bích	Thảo				X		
109	Trần Thanh	Thảo				X		
110	Nguyễn Ngọc Minh	Thông				X		
111	Võ Thanh	Nhân					X	
Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông								
112	Lê Văn	Nam		X				
113	Đặng Thị Thu	Hà				X		
114	Đặng Ngọc	Lợi				X		
115	Đinh Hoài	Luân				X		
116	Lê Châu	Tuấn				X		
117	Trần Đình	Thái				X		
118	Nguyễn Tấn	Thanh				X		
119	Trần Thị Mộng	Thu				X		
120	Ngô Văn	Thức				X		
121	Phan Ngọc Tường	Vy				X		
Ngành Kỹ thuật môi trường								
122	Ngô Đức	Chân			X			
123	Nguyễn Đạt	Phương				X		

STT	Khối ngành/Nhóm ngành		GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH	CĐ
124	Lê Thị Bạch	Tuyết				X		
125	Nguyễn Hữu	Thành				X		
126	Trương Thúy	Vân				X		
Ngành Quản lý xây dựng-Đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị								
127	Lê Ngọc	Cẩn			X			
128	Doãn Quốc	Khoa			X			
129	Mai Thanh	Bình				X		
130	Lê Hồ Tuyết	Ngân				X		
131	Huỳnh Trọng	Nhân				X		
132	Phạm Phi	Phượng				X		
133	Phan Tấn	Thọ				X		
134	Huỳnh Thị Hồng	Thuý				X		
135	Nguyễn Tiến	Đạt					X	
136	Tô Khắc Đăng	Khoa					X	
137	Lê Hoàng Thiên	Long					X	
Tổng của khối ngành V			**0**	**2**	**13**	**107**	**9**	**0**
GIẢNG VIÊN CÁC MÔN CHUNG								
138	Lương Thế	Anh				X		
139	Lương Thị Ngọc	Diễm				X		
140	Đặng Thị	Dung				X		
141	Nguyễn Tiến	Dũng				X		
142	Huỳnh Minh	Đáng				X		
143	Nguyễn Thị Anh	Đào				X		
144	Phan Thị Anh	Đào				X		
145	Trần Quang	Đăng				X		
146	Lê Sĩ Minh	Điền				X		
147	Nguyễn Minh	Đức				X		

STT	Khối ngành/Nhóm ngành		GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH	CĐ
148	Nguyễn Hồng	Hải				X		
149	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh				X		
150	Lương Hoàng	Hên				X		
151	Nguyễn Thị Kim	Hiền				X		
152	Phan Thị Thanh	Hiền				X		
153	Nguyễn Thị Kim	Hiếu				X		
154	Đoàn Ngọc Ánh	Huy				X		
155	Nguyễn Đức	Khiêm				X		
156	Trương Thị Thanh	Lam				X		
157	Đỗ Thị Ngọc	Mai				X		
158	Nguyễn Văn	Mười				X		
159	Trương Thị Hồng	Nga				X		
160	Nguyễn Chính	Nghĩa				X		
161	Nguyễn Hữu	Nghĩa				X		
162	Nguyễn Cao	Phong				X		
163	Lê Trần Khánh	Phương				X		
164	Lương Phước	Toàn				X		
165	Phạm Anh	Tuấn				X		
166	Nguyễn Quyết	Thắng				X		
167	Hoàng Công	Thiện				X		
168	Nguyễn Anh	Thư				X		
169	Huỳnh Kim	Thừa				X		
170	Nguyễn Thị	Trang				X		
171	Võ Minh	Trường				X		
172	Lê Phương Anh	Võ				X		
173	Nguyễn Đình	Cường					X	
174	Nguyễn Thị Thúy	Kiều					X	

STT	Khối ngành/Nhóm ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS	ThS	ĐH	CĐ
175	Hồ Lê Thanh Phương					X	
Tổng		**0**	**0**	**0**	**35**	**3**	**0**
TỔNG SỐ GV TOÀN TRƯỜNG		**0**	**2**	**15**	**146**	**12**	**0**

5. TÌNH HÌNH VIỆC LÀM (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành V	Tổng số SVTN	Tổng số SVTN được khảo sát	SVTN được khảo sát có phản hồi	Chia theo tình trạng việc làm			Tỷ lệ SVTN có việc làm (%)
				SVTN có việc làm	SVTN đang học nâng cao	SVTN chưa có việc làm	
Kiến trúc	46	46	46	41	2	3	93%
Xây dựng DD&CN	215	215	162	146	10	6	96%
Tổng	**261**	**261**	**208**	**187**	**12**	**12**	**95.6%**

6. TÀI CHÍNH

6.1. Tổng nguồn thu, chi của trường

Số TT	Các khoản thu - chi	Năm trước	Năm báo cáo
	A	1	2
1	**Tổng thu**	**28.860**	**26.852**
Chia ra	Học phí	28.129	26.267
	Lệ phí	181	25
	Thu sự nghiệp	76	269
	Thu khác	474	291
2	**Các khoản chi ngân sách nhà nước**	**65.888**	**65.449**
2.1	**Chi đầu tư phát triển**	**15.060**	**7.370**
Trong đó	**Chi đầu tư XDCB tập trung**	15.060	7.370

	Chi dđầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ		
	Chi đầu tư từ nguồn các Dự án ODA		
	Chi đầu tư từ nguồn Xổ số kiến thiết		
	Chi đầu tư từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW		
2.2	**Chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**38.586**	**45.814**
Trong đó	Chi lương và các khoản có tính chất như lương	28.594	28.187
	Cho hoạt động giảng dạy đào tạo	9.992	17.627
2.3	**Chi khác**	**12.242**	**12.265**

6.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền kề trước năm tuyển sinh

Tổng chi phí đào tạo trung bình 01 sinh viên /năm: 8,7 triệu/sinh viên/năm

Vĩnh Long, ngày tháng 7 năm 2018

Cán bộ kê khai

Họ và tên: Huỳnh Quốc Huy

Số điện thoại: 0918534355

Email: huynhquochuy@mtu.edu.vn

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN VĂN XUÂN